

Bản án số: 63/2020/HSST

Ngày: 20.11.2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**

Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh CHỂN**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Công Khánh**

Ông **Đặng Công Thắng**

Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HS ngày 4 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy B, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1979 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: Tổ 38, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng; Nơi ở: K142/H12/01 P, thành phố Đà Nẵng và số 53A C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông không rõ và bà Nguyễn Thị H (s); Vợ là Trần Thị Kim L, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm 2005. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con đầu.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 10.9.1997 bị TAND quận Thanh Khê tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo bản án số 01/1997/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/1997.

- Ngày 27/01/2000 bị Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng tuyên phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân”. Tổng hợp hình phạt tù 05 năm tù theo bản án số 49/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12.5.2003.

- Ngày 26/4/2013, bị TAND quận Sơn Trà tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 28/2013/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/5/2015.

Bị cáo bị bắt ngày 13 tháng 10 năm 2019. Bị cáo hiện đang bị tạm giam. Có mặt.

2. Phạm Công Hoàng H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1994 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã H, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. Nghề

nghệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm T (s) và bà Nguyễn Thị N (s). Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 14/5/2019, bị Công an xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 750.000 đồng. (QĐ số 09 ngày 14/5/2019).

Bị cáo bị bắt ngày 13 tháng 10 năm 2019. Bị cáo đang bị tạm giam. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy B:** Ông Nguyễn Tân B, sinh năm 1965, Luật sư Văn phòng Luật sư T– thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Phạm Công Hoàng H:** Ông Chế Giang S, sinh năm 1969, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV G – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nông Thị C, sinh năm 1996; Trú tại: R, J, Đăk Nông. Vắng mặt
2. Anh Huỳnh Văn A, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ 34, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt
3. Chị Nguyễn Thị Huỳnh L, sinh năm 1991; Trú tại: Tổ 34, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt
4. Anh Lê Việt C, sinh năm 1986; trú tại: Tổ 14, T, N, Hội An. Vắng mặt

- **Người làm chứng:**

1. Chị Trần Hoàng Khánh L, sinh năm 1999; trú tại: 20 C, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt
2. Anh Cao Đăng Q, sinh năm 1998; Trú tại: B, xã P, Huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt
3. Ông Đinh Văn N, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ 07, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 0 giờ 30 phút ngày 13/10/2019, tại khu vực phía trước cửa V (thuộc địa phận quận C, thành phố Đà Nẵng). Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phối hợp với trạm cảnh sát giao thông, thành phố Đà Nẵng và Trung tâm vận hành Hamm Hải Vân – công ty CP đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả, thành phố Đà Nẵng kiểm tra xe ô tô BKS 43A-483.37 phát hiện bắt quả tang Nguyễn Duy B, Phạm Công Hoàng H có hành vi cất giấu ma túy tại dưới ghế phụ của xe ô tô BKS 43A-483.37.

Tang vật tạm giữ:

- 01 gói nilong màu xanh KT khoảng (20x14)cm một mặt có dòng chữ “Nu sports”, một mặt có hình người đàn ông mặc quần màu trắng, bên trong có chứa 01 gói nilong màu trắng KT khoảng (20x14)cm chứa chất bột màu trắng dạng cục. (ký hiệu A).

- 01 ĐTDĐ màu đỏ có dòng chữ Iphone có IMEL: 353010099548317, sim số 0936 253 105.

- 01 ĐTDĐ màu đen có dòng chữ Redmi, IMEL 1: 866042046114026, IMEL 2: 866042048274026, sim số 0342579425 và 0905954333.

- 01 xe ô tô BKS:43A-483.37.

- Số tiền 479.750.000 đồng.

- 01 ĐTDĐ màu xanh có dòng chữ HUAWEI có IMEL 1: 867273036044829, IMEL 2: 8672730036044837, sim số 0777 415 101 và 0795 777 858.

- 01 ĐTDĐ màu đen có dòng chữ NOKIA có số Serial: 357678106389004, sim số 0789 486309.

- 01 giấy biên nhận tiền đặt cọc ngày 11/10/2018 về việc Nguyễn Duy B nhận tiền cọc mua xe BKS 43A-361.42 từ Nguyễn Anh Tuấn.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Duy B tại số nhà 53A đường C, phường A, thành phố A, tỉnh Quảng Nam, phát hiện và thu giữ:

Trong tủ áo quần tại tầng 2 nằm bên trái cầu thang đi lên có 01 gói nylon (2x3) cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu B). B trình bày gói tinh thể này là của B.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Duy B tại K142/42/01 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, Đà Nẵng phát hiện và thu giữ:

Tại balo trên đầu tủ quần áo trong phòng có 01 gói nylon màu đỏ bên trong có chứa nhiều bao nylon với kích thước khác nhau (Các bao nylon chưa qua sử dụng).

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Công Hoàng H tại tổ 28, thôn T, xã H, thành phố A, Quảng Nam: không thu giữ gì.

Quá trình điều tra ban đầu xác định:

Vào khoảng 04 giờ ngày 12/10/2019, Nguyễn Duy B rủ Phạm Công Hoàng H, Hoàng Trần Khánh L, Cao Đăng Q đi ra thị trấn B, Huyện H, tỉnh Quảng Trị chơi thì tất cả đồng ý. Cao Đăng Q điều khiển xe ô tô BKS 43A-483.37 chở B, H, L đi. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày khi xe đến thành phố Huế thì tất cả dừng lại ăn sáng tại quán bún trên đường D, lúc này T (không rõ nhân thân lai lịch) đến nói chuyện và đưa cho B số tiền 34.000.000 đồng. B đưa cho H đếm, H mang tiền ra để trên xe ô tô BKS 43A-483.37 rồi quay lại quán. Khi B và H chuẩn bị lên xe, B nói với H đi lên Lao Bảo lấy ma túy về để bán và nói H đi lấy về giùm, H đồng ý.

Khi xe đến thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị thì B bảo H xuống xe đón xe khách lên Lao Bảo, H đồng ý và xuống xe. Q điều khiển xe ô tô BKS 43A-483.37 chở B, Linh lên Lao Bảo, còn H bắt xe khách đi riêng.

Khi đến bến xe Lao Bảo, H điện thoại cho B thông báo đã đến nơi, B bảo H đi đến quán cà phê đối diện khách sạn H, ngồi chờ sẽ có người đến gặp. H làm theo yêu cầu của B. Khoảng 15 phút sau có 01 người đàn ông đến gặp H và nói có phải H không, H nói phải, thì người đàn ông đó bỏ vào túi xách H 1 gói nylon màu xanh rồi bỏ đi. H gọi điện cho B nói đã nhận được rồi, B bảo H qua thuê khách sạn Đào Hùng nghỉ trưa, H làm theo yêu cầu của B. Trong khoảng

thời gian này B, Linh, Q cũng đang ở Lao Bảo và có gặp một đối tượng tên Hùng, cả 4 người cùng đi nhậu tại 1 quán nhậu.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày B gọi điện bảo H bắt xe khách về thành phố Huế rồi B đón, H làm theo yêu cầu của B. Cùng khoảng thời gian này Q điều khiển xe ô tô 43A-483.37 chở B, L đi về thành phố Huế. Khi H đến bến xe thành phố Huế, H điện thoại cho B thông báo đã đến nơi, B nói H phân ma túy giao cho 01 đối tượng nhưng H nói không phân được vì không có cân, B nói kiểm chỗ nào đợi B, H bắt xe ôm đi đến nhà người quen trên đường T, thành phố Huế. Trên đường đi H phát hiện có người theo dõi nên H điện thoại cho B, B nói ở đó đợi đi B đến đón. Do sợ nên H bỏ gói ma túy vào trong túi vải treo trên tường nhà địa chỉ 3/118 A, thành phố Huế rồi đi đến nhà người quen, sau đó H gọi điện cho B nói địa điểm cất giấu ma túy, B bảo H đi ăn rồi bắt xe ra chỗ Trạm thu phí chờ B, H bắt taxi đến trạm thu phí Phú Bài chờ B.

Khi B, Q, L, về đến thành phố Huế, B lên điều khiển xe ô tô 43A-483.37 chở Q, Linh đi đến địa chỉ H cất giấu ma túy. B gọi điện cho H nói chỉ chỗ gói đồ để Q lấy, rồi B nói Q điện thoại cho H, Q gọi điện cho H, H chỉ đến 118 Dương Văn An, thành phố Huế. Khi đến địa chỉ trên B nói Q xuống lấy túi đồ cho B. Q xuống xe đi đến địa chỉ H nói lấy 1 túi xách B vải mang lên xe để phía sau lưng ghế của B. Sau đó B điều khiển xe ô tô 43A-483.37 chạy về hướng trạm thu phí Phú Bài, trên đường đi B lái xe ghé vào 01 cây xăng, khi Q và L xuống xe thì Tuấn không rõ nhân thân) lên xe nói chuyện với B, B đưa cho Tuấn số tiền 34.000.000 đồng rồi Tuấn xuống xe. B tiếp tục điều khiển xe chở Q, L đi đến Trạm thu phí Phú Bài đón H. Khi H lên xe, B nói H lấy gói đồ ra kiểm tra, Q đưa túi vải trước đó B bảo lấy lên xe cho H, H lấy ra 01 gói nylon màu xanh có hình người đàn ông mang quần lót, H xé bao nylon ra thì thấy có 01 bao nylon màu trắng bên trong có chất bột màu trắng, H bẻ 01 ít đưa cho B thử thì B chửi H ngu, không biết phân biệt hàng thật, hàng giả, B gọi điện nhiều cuộc cho nhiều người nói với nội dung vì sao lừa B, bán cho B đồ giả kém chất lượng, B yêu cầu trả lại tiền. B đưa điện thoại Iphone của B bảo H chụp hình lại cho B, H lấy điện thoại chụp hình gói hàng rồi trả điện thoại cho B. H để gói ma túy vào lại trong túi vải rồi để xuống dưới ghế L đang ngồi. Khi xe đến thị trấn Lăng cô thì B bảo Q lên chở còn B xuống ngồi với H. B tiếp tục chửi H ngu không biết phân biệt đồ thật đồ giả. Đến 0 giờ 30 phút ngày 13/10/2019 Q điều khiển xe ô tô 43A-483.37 chạy qua Hàm Hải Vân thì bị Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra phát hiện, bắt giữ.

Ngoài ra Nguyễn Duy B còn khai nhận:

Vào khoảng đầu tháng 10/2019 tại thành phố Hội An B có mua của 1 người 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng để sử dụng. B mới sử dụng 1 ít, còn lại cất giấu tại số nhà 53A C, A, Hội An thì bị thu giữ.

Ngày 11/10/2018 Nguyễn Duy B còn có hành vi cầm cố xe ô tô BKS 43A-361.47 do B thuê trước đó cho anh Nguyễn Anh T với số tiền 300.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 290/GĐ-MT 18/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

Chất bột dạng cục màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Heroin, khối lượng mẫu A: 277,10 gam.

Tinh thể rắn màu trắng trong 01 gói nilong, niêm phong ký hiệu B gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamin, khối lượng mẫu B: 0,064 gam.

Quá trình điều tra Nguyễn Duy B không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Phạm Công Hoàng H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 37/CT-VKS- P1 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Nguyễn Duy B, Phạm Công Hoàng H về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Duy B **20** năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Phạm Công Hoàng H **19-20** năm tù.

Xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các Luật sư Nguyễn Tấn B, Luật sư Chế Giang S bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho các bị cáo đều thống nhất về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố. Tuy nhiên các Luật sư đều cho rằng mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là quá nghiêm khắc đối với các bị cáo, các Luật sư đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng một mức án nhẹ hơn mức án mà Kiểm sát viên đề nghị do đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, tại phiên tòa trước và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai báo ra những đối tượng đã giúp sức mình trong việc phạm tội.

Các bị cáo Nguyễn Duy B, Phạm Công Hoàng H đã thừa nhận hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét mức án nhẹ nhất để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Duy B, Phạm Công Hoàng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: Vào ngày 12/10/2019, Nguyễn Duy B và Phạm Công Hoàng H đến

thị trấn B, Huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị mua 277,10 gam ma túy, loại Heroin về nhằm mục đích mua bán. Đến 0h30 phút ngày 13/10/2019, khi B và H mang số ma túy trên đi qua hầm Hải Vân đến địa phận quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thì bị Phòng CSĐT tội phạm về ma túy, công an TP Đà Nẵng kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định các chất ma túy, cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Duy B, Phạm Công Hoàng H đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án thì thấy, hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về ma túy, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn, nếu không được ngăn chặn kịp thời sẽ gây hậu quả đặc biệt lớn cho xã hội. Hành vi này cần phải được xử lý thật nghiêm khắc.

Xét hành vi của từng bị cáo thì thấy:

Đối với Nguyễn Duy B, là người đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tự răn đe mình, trong vụ án này bị cáo giữ vai trò chủ mưu nên phải chịu một mức án cao hơn so với bị cáo H.

Đối với Phạm Công Hoàng H, là người có tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng bị cáo vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật, trong vụ án này bị cáo giữ vai trò giúp sức nên bị cáo cũng phải chịu một mức án thật nghiêm khắc.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, các bị cáo còn phải chăm sóc cha mẹ già ốm, đối với bị cáo H có bố là thương binh, ông bà nội có công Cách mạng nên HĐXX áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS như đề nghị của Kiểm sát viên và các vị luật sư, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần khi lượng hình là thỏa đáng.

Từ những phân tích trên đây, HĐXX xét thấy mức án mà Kiểm sát viên đề nghị là chưa tương xứng với hành vi phạm tội, với nhân thân của các bị cáo, không đủ sức để răn đe nên HĐXX không thể thỏa mãn được mà cần phải cách ly bị cáo Nguyễn Duy B ra khỏi xã hội không thời hạn mới có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội. Còn đối với bị cáo Phạm Công Hoàng H cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài để bị cáo được học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt. HĐXX cũng không thể thỏa mãn toàn bộ đề nghị của các luật sư là cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ hơn mức án mà Kiểm sát viên

đề nghị được do các bị cáo không ăn năn hối cải, B mọi cách để đạt được mục đích có tiền nhanh nhất, thể hiện tính coi thường pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Duy B số tiền 50.000.000đ

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Công Hoàng H số tiền 20.000.000đ

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật TTHS; Điều 47 BLHS ;

HDXX xử lý vật chứng như sau:

+ Tịch thu tiêu hủy: mẫu ma túy hoàn trả sau kết luận giám định số 290/GĐ-MT 18/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và toàn bộ vỏ bao gói; sim số 0936 253 105, 0342 579 425, 0905 954 333, 0777 415 101, 0795 777 858, 0789 486 309; 01 gói nilong màu đỏ bên trong có chứa nhiều bao nilong với kích thước khác nhau (các bao nilong chưa qua sử dụng).

+ Tịch thu sung công: 01 ĐTDĐ màu đỏ có dòng chữ Iphone có IMEL: 353010099548317, sim số 0936 253 105; 01 ĐTDĐ màu đen có dòng chữ Redmi, IMEL 1: 866042046114026, IMEL 2: 866042048274026; 01 ĐTDĐ màu xanh có dòng chữ HUAWEI có IMEL 1: 867273036044829, IMEL 2: 8672730036044837; 01 ĐTDĐ màu đen có dòng chữ NOKIA có số Serial: 357678106389004.

+ Trả lại cho bị cáo số tiền 179.750.000 đồng đang bị tạm giữ trong tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Cơ quan CSĐT – công an TP Đà Nẵng tại Kho bạc nhà nước Đà Nẵng, tuy nhiên cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Đối với Nguyễn Duy B còn có hành vi tàng trữ 0,064 gam ma túy, loại Methamphetamin nhằm mục đích sử dụng. Xét thấy hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Công an thành phố Đà Nẵng đã ra quyết định xử lý hành chính số 28 ngày 8/11/2019 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là phù hợp.

Đối với Trịnh Văn Thuận và Nguyễn Viết Hùng: Theo lời khai của Nguyễn Duy B có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Duy B. Xét thấy đây là thông tin liên quan đến quân nhân thuộc Bộ đội Biên phòng, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Đà Nẵng đã cHên thông tin nêu trên cho Cơ quan điều tra Hình sự - Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng để điều tra xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

Đối với hành vi cầm cố xe ô tô 43A-361.47 của Nguyễn Duy B cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã cHên thông tin đến cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định nên không đề cập đến.

- Đối với đối tượng bán ma túy cho Nguyễn Duy B, chưa rõ nhân thân, lai lịch, cơ quan CSĐT Công an TPĐN tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với Hoàng Trần Khánh L và Cao Đăng Q không biết B và H mua bán ma túy nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không xử lý là thỏa đáng. Tuy nhiên khi thử test, L và Q đều dương tính với ma túy, Công an thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 180C và 180D ngày 23/10/2019 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

- Đối với Lê Viết Cẩm có hành vi cho Nguyễn Duy B thuê nhà tại số 53A Nguyễn Văn Cừ, Tân An, Hội An, Quảng Nam nhưng không biết B cất giấu ma túy nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Thị Huỳnh Ly và Huỳnh Văn Acó hành vi cho Nguyễn Duy B thuê xe ô tô BKS 43A-483.37, tuy nhiên không biết BĂNG sử dụng xe trên làm phương tiện đi mua bán ma túy nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với việc Phạm Công Hoàng H khai nhận trước đó tại Hội An, B có đưa cho H 1 gói ma túy nhờ H mang đi giao cho 1 người ở Điện Ngọc Điện Nam, giá cả, số lượng do B thỏa thuận, sau đó B có cho H 1.000.000 đồng. B không thừa nhận nội dung này, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

- Đối với 1 giấy biên nhận tiền đặt cọc ngày 11/10/2018 về việc Nguyễn Duy B nhận tiền cọc mua xe BKS 43A-361.47 từ Nguyễn Anh Tuấn và số tiền 300.000.000 đồng hiện đang được tạm giữ trong tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tại Kho bạc nhà nước Đà Nẵng. Đây là vật chứng trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã bàn giao và thông báo cho Cơ quan CSĐT có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với xe ô tô BKS 43A-483.37 là tài sản của chị Nguyễn Thị Huỳnh Ly, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã trả lại cho Nguyễn Thị Huỳnh Ly là phù hợp.

- Đối với số đồ vật, tài sản Nguyễn Duy B khai nhận khi bị bắt cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng có thu giữ của B gồm: số tiền 11.200.000 đồng, 01 hộp quẹt Zippo, 01 túi xách màu đà, 01 vòng đeo tay B gỗ trầm. Tuy nhiên không có căn cứ chứng minh và tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Duy B, Phạm Công Hoàng H** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.1. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy B** tù **chung thân**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2019.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 BLHS: Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

1.2.Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Công Hoàng H 20 năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2019.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 BLHS: Phạt bổ sung bị cáo số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật TTHS; Điều 47 BLHS;

Tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy: mẫu ma túy hoàn trả sau kết luận giám định số 290/GĐ-MT 18/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và toàn bộ vỏ bao gói; sim số 0936 253 105, 0342 579 425, 0905 954 333, 0777 415 101, 0795 777 858, 0789 486 309; 01 gói nilong màu đỏ bên trong có chứa nhiều bao nilong với kích thước khác nhau (các bao nilong chưa qua sử dụng).

+ Tịch thu sung công: 01 ĐTDĐ màu đỏ có dòng chữ Iphone có IMEL: 353010099548317, sim số 0936 253 105; 01 ĐTDĐ màu đen có dòng chữ Redmi, IMEL 1: 866042046114026, IMEL 2: 866042048274026; 01 ĐTDĐ màu xanh có dòng chữ HUAWEI có IMEL 1: 867273036044829, IMEL 2: 8672730036044837; 01 ĐTDĐ màu đen có dòng chữ NOKIA có số Serial: 357678106389004.

+ Trả lại cho bị cáo số tiền 179.750.000 đồng đang bị tạm giữ trong tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Cơ quan CSĐT – công an TP Đà Nẵng tại Kho bạc nhà nước Đà Nẵng, tuy nhiên cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Toàn bộ vật chứng trên đây hiện nay do Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/7/2020.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho các bị cáo, người liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao kết quả bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN (PV 27);
- Phòng PC 44 - CATPĐN;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Các bị cáo, Trại giam Hòa Sơn;
- Sở tư pháp TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Trọng Danh

